

Số: /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI**  
**THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2022**

**1. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN**

**1.1. Thu, chi ngân sách**

*Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố lũy kế 10 tháng năm 2022 tăng 22,3% so với cùng kỳ, trong đó các khoản thu liên quan đến bất động sản tăng 121,9% so với cùng kỳ, dầu thô tăng 100,7%. Ở chiều ngược lại, tổng chi ngân sách địa phương giảm 20,9% so với cùng kỳ.*

**Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước lũy kế 10 tháng năm 2022** ước thực hiện 392.791 tỷ đồng, vượt 1,6% dự toán và tăng 22,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

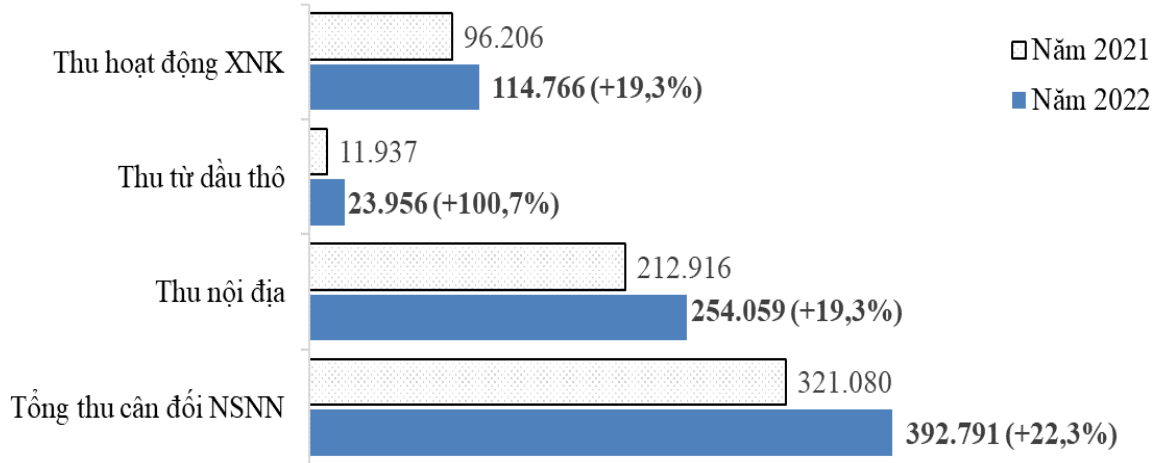
- Thu nội địa ước thực hiện 254.059 tỷ đồng, đạt 97,9% dự toán, chiếm 64,7% tổng thu cân đối và tăng 19,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 27.039 tỷ đồng, vượt 3,0% dự toán, chiếm 6,9% tổng thu và tăng 18,9%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 68.915 tỷ đồng, vượt 2,4% dự toán, chiếm 17,5% tổng thu và tăng 10,3%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 60.062 tỷ đồng, vượt 2,4% dự toán, chiếm 15,3% tổng thu và tăng 10,6%.

- Thu dầu thô ước thực hiện 23.956 tỷ đồng, vượt 128,2% dự toán, chiếm 6,1% tổng thu cân đối và tăng 100,7%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 114.766 tỷ đồng, đạt 98,5% dự toán, chiếm 29,2% tổng thu cân đối và tăng 19,3%.

**Thu cân đối ngân sách địa phương lũy kế 10 tháng năm 2022**, ước thực hiện 94.912 tỷ đồng, đạt 56,3% dự toán, chiếm 24,2% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 21,7% so với cùng kỳ.

### Thu ngân sách nhà nước 10 tháng năm 2021, 2022 (tỷ đồng)

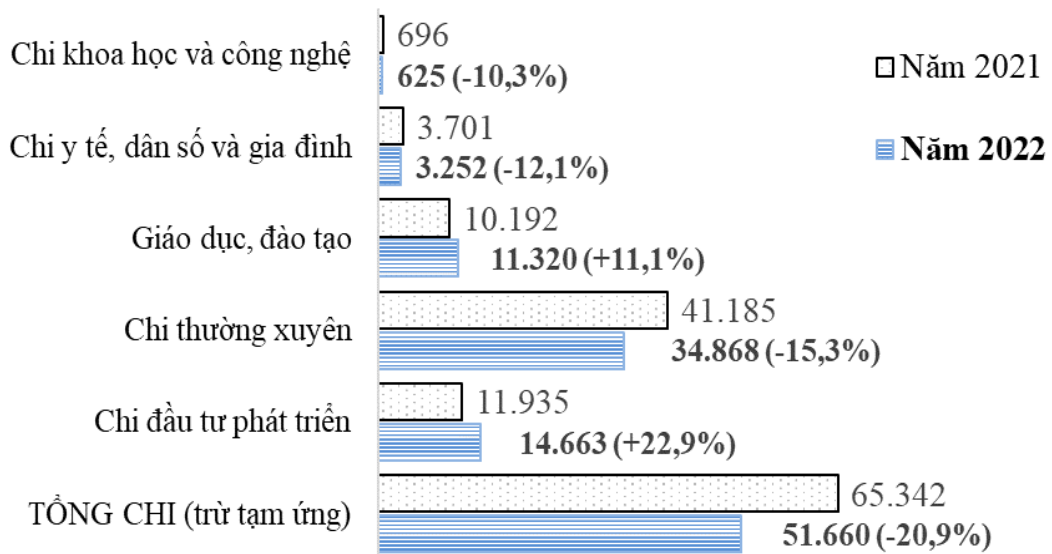


**Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) lũy kế 10 tháng năm 2022** ước thực hiện 51.660 tỷ đồng, đạt 51,8% dự toán và giảm 20,9% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 50.228 tỷ đồng, đạt 51,9% dự toán và giảm 20,7% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 14.663 tỷ đồng, chiếm 33,7% dự toán và tăng 22,9%.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 34.868 tỷ đồng, đạt 71,7% dự toán và giảm 15,3%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 11.320 tỷ đồng, đạt 77,4% dự toán và tăng 11,1%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 3.252 tỷ đồng, đạt 56,5% dự toán và giảm 12,1%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 625 tỷ đồng, đạt 40,0% dự toán và giảm 10,3%.

### Chi ngân sách địa phương 10 tháng năm 2021, 2022 (tỷ đồng)



## 1.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

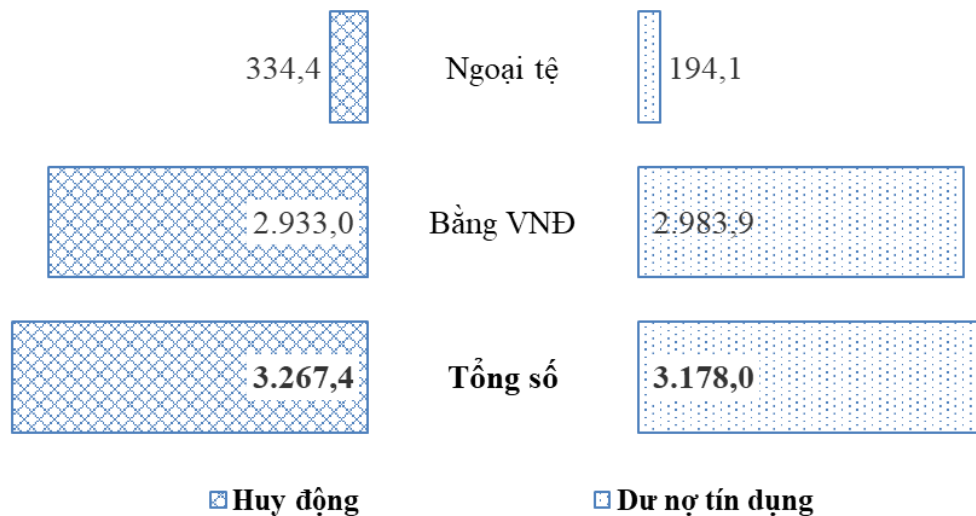
Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố được duy trì ổn định, trong đó lãi suất, tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt. So với cuối năm 2021, khối ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất huy động bằng VNĐ tăng 0,06% - 0,72%/năm và lãi suất cho vay tăng 0,21% - 0,98% tùy kỳ hạn. Tính đến 01/10/2022, tổng vốn huy động tăng 8,4% so với cùng kỳ và dư nợ tín dụng tăng 19,5%.

Tổng vốn huy động tính đến ngày 01/10/2022 đạt 3.267,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ đạt 2.933,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 89,8% tổng vốn huy động, tương đương so với tháng trước và tăng 10,0% so với cùng kỳ.

- Vốn huy động bằng ngoại tệ đạt 334,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,2% tổng vốn huy động, tăng 4,7% so với tháng trước và giảm 3,7% so với cùng kỳ.

**Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ**  
(tính đến 01/10/2022 - Đvt: Nghìn tỷ đồng)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến ngày 01/10/2022 đạt 3.178,0 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 19,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

*Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:*

- Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 2.983,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 93,9% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 20,8% so với cùng kỳ.

- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 194,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,1%, giảm 4,2% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ.

*Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:*

- Dư nợ ngắn hạn đạt 1.417,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 44,6% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ.

- Dư nợ trung hạn, dài hạn đạt 1.760,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,4% tổng dư nợ, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 21,4% so với cùng kỳ.

### **1.3. Thị trường chứng khoán**

*Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước tháng 9 tiếp tục giảm 33,0% so với tháng trước, làm giao dịch giảm 26,7% về khối lượng và giảm 25,5% về giá trị. Chỉ số VN-Index trong tháng có xu hướng giảm mạnh và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng tháng 9/2022, VN-Index đạt 1.132,11 điểm, giảm 11,6% so với tháng trước và giá trị vốn hóa giảm 11,6%.*

**Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/9/2022**, số lượng mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) là 529 mã chứng khoán bao gồm: 332 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ quỹ, 184 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã tăng 01 mã cổ phiếu, 02 mã chứng chỉ quỹ và 14 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng 9/2022, có 23 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose (gồm 02 mã cổ phiếu, 01 mã trái phiếu và 20 mã chứng quyền).

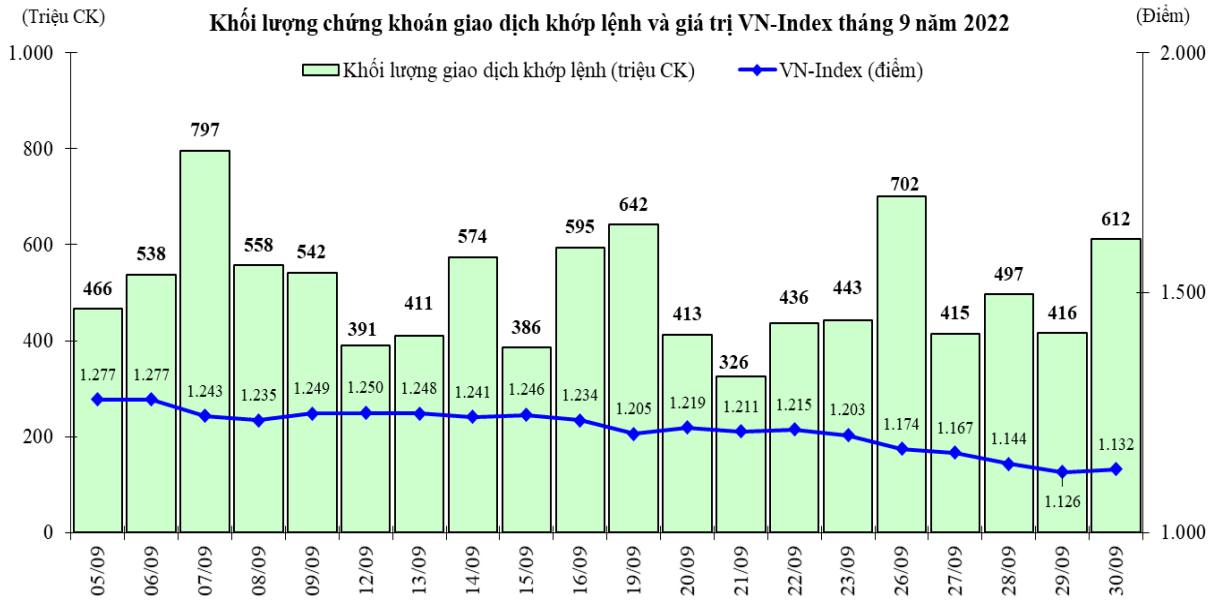
**Trong tháng 9 năm 2022** có 20 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 11.197,1 triệu chứng khoán và giá trị đạt 270.081,4 tỷ đồng. Tổng giao dịch giảm 26,7% về khối lượng và giảm 25,5% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 90,7% về khối lượng và chiếm 87,8% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 559,9 triệu chứng khoán với 13.504,1 tỷ đồng được giao dịch, giảm 15,8% về khối lượng và giảm 14,3% về giá trị so với tháng trước.

**Lũy kế 9 tháng đầu năm 2022**, tổng khối lượng giao dịch đạt 124.785,8 triệu chứng khoán với 3.642.161,9 tỷ đồng, giảm 4,5% về khối lượng và giảm 0,9% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 93,1% về khối lượng và chiếm 87,1% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 678,2 triệu chứng khoán với 19.794,4 tỷ đồng được giao dịch.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2022 như sau:  
**Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE**

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 9/2022	Lũy kế 9 tháng 2022	Tháng 9/2022 so với tháng 8/2022	Lũy kế 9 tháng 2022 so với cùng kỳ
<b>A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)</b>	<b>11.197,1</b>	<b>124.785,8</b>	<b>73,3</b>	<b>95,5</b>
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	9.010,1	102.369,9	73,3	91,5
- Trái phiếu	2,2	64,7	59,5	16,6
- Chứng chỉ quỹ & ETF	96,1	1.155,9	71,8	88,1
- Chứng quyền	2.088,7	21.195,3	73,2	123,4
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	10.157,9	116.221,1	72,7	95,0
- Giao dịch thoả thuận	1.039,2	8.564,7	78,8	102,2
<b>B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)</b>	<b>270.081,4</b>	<b>3.642.161,9</b>	<b>74,5</b>	<b>99,1</b>
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	221.894,3	2.979.598,1	75,6	101,3
- Trái phiếu	13,3	657,1	54,1	2,0
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.034,1	28.033,1	69,5	100,9
- Chứng quyền	46.139,7	633.873,6	70,1	94,0
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	237.059,2	3.170.681,5	73,0	94,8
- Giao dịch thoả thuận	33.022,2	471.480,4	87,9	142,1

**Chỉ số VN-Index tháng 9 năm 2022** với 20 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 07 phiên tăng điểm và 13 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 9/2022, chỉ số VN-Index đạt 1.277,35 điểm, giảm 14,8% (tương ứng giảm 220,93 điểm) so với 31/12/2021. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index liên tục giảm mạnh và đạt giá trị thấp nhất trong năm 2022 khi đóng cửa ở mức 1.126,07 điểm vào ngày 29/9/2022, giảm 24,8% (tương ứng giảm 372,21 điểm) so với 31/12/2021. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 9/2022, VN-Index đạt 1.132,11 điểm, giảm 24,4% (tương ứng giảm 366,17 điểm) so với 31/12/2021 và giảm 11,6% (tương ứng tăng 148,40 điểm) so với tháng trước. Giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.504.509 tỷ đồng, tương đương 3,47 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2021.



**Cập nhật phiên giao dịch ngày 19/10/2022**, số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh trên sàn Hose là 521 mã chứng khoán gồm: 330 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 178 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.060,07 điểm, giảm 29,2% (tương ứng giảm 438,21 điểm) so với 31/12/2021 và vốn hóa thị trường đạt 4.228.929 tỷ đồng.

## 2. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 tiếp tục xu hướng tăng với mức 0,45%, cao hơn 0,15 điểm phần trăm so mức tăng tháng 9**, trong đó có 3/11 nhóm hàng giảm với nhóm giao thông tiếp tục giảm nhiều nhất (-1,89%); 8/11 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước, trong đó nhóm giáo dục tăng cao nhất (+4,95%).

### Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 10 so với tháng trước:

**Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống** tăng 0,31% (tháng trước tăng 0,23%), trong đó nhóm lương thực tăng 0,28% (tháng trước tăng 0,04) với giá gạo tăng 0,10% (tháng trước giảm 0,10%), lương thực chế biến tăng 0,88% (tháng trước tăng 0,48%). Nhóm thực phẩm tăng 0,17%; trong đó, thịt gia súc giảm 0,26%; trứng các loại giảm 0,42%; thịt gia cầm giảm 0,47%; giá dầu mỡ ăn tăng 0,54%; thủy sản tươi sống tăng 0,22%; rau quả các loại tăng 0,95% (2 mặt hàng này chịu ảnh hưởng của thời tiết mưa bão trong tháng).

**Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình** tăng 0,53%, cao hơn mức 0,47% của tháng trước.

**Nhóm đồ uống và thuốc lá** tăng 1,34%, cao thứ hai trong 8 nhóm hàng tăng giá, trong đó nước khoáng và nước uống có gas tăng 1,08%; bia tăng 2,27%; thuốc lá tăng 0,93%.

*Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép* tăng 0,27% trong đó vải tăng 0,07%; quần áo may sẵn tăng 0,31%.

*Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng* tăng 0,64%; trong đó nhóm điện sinh hoạt tăng 0,16%; nước sinh hoạt giảm 1,10%; gas và chất đốt giảm 4,17%; dịch vụ sửa chữa nhà tăng 1,18%.

*Nhóm giao thông* giảm 1,89%, chủ yếu là do nhóm nhiên liệu giảm 5,25% (xăng giảm 6,14%); dịch vụ giao thông công cộng giảm 0,09%.

*Nhóm giáo dục* tăng 4,95%, trong đó đồ dùng học tập tăng 0,25%; dịch vụ giáo dục tăng 5,29%.

**So với cùng kỳ**, CPI tháng 10 tăng 3,65% với 11/11 nhóm hàng tăng giá, nhóm nhà ở tăng cao nhất với mức tăng là 6,98%; tiếp theo là nhóm giáo dục tăng 6,08%.

**CPI tháng 10 tăng 4,13% so với tháng 12 năm 2021 và bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 2,32% so với cùng kỳ.**

#### Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 10 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 10 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>102,02</b>	<b>103,65</b>	<b>102,52</b>	<b>102,32</b>
Trong đó: Lương thực	105,77	103,21	104,47	104,13
Thực phẩm	105,51	98,35	103,57	99,55
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>102,60</b>	<b>115,54</b>	<b>113,98</b>	<b>118,02</b>
<b>3. Chỉ số giá USD</b>	<b>99,79</b>	<b>102,33</b>	<b>99,23</b>	<b>100,18</b>

Chỉ số giá vàng tháng 10 năm 2022 giảm 0,46% so với tháng trước; tăng 8,98% so với tháng 12 năm 2021 và tăng 15,54% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 18,02% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10 năm 2022 tăng 1,92% so với tháng trước; tăng 2,27% so với tháng 12 năm 2021 và tăng 2,33% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 0,18% so với cùng kỳ.

### 3. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

#### 3.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư

##### 3.1.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 10 năm 2022 đạt 3.552,6 tỷ đồng, tăng 13,9% so với tháng trước và tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ.

Lũy kế 10 tháng năm 2022, vốn đầu tư ước thực hiện 23.274,3 tỷ đồng, đạt 53,1% so với kế hoạch năm và tăng 56,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

**Theo khoản mục đầu tư:** Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 22.522,6 tỷ đồng, đạt 53,9% so với kế hoạch và tăng 55,4% so với cùng kỳ; vốn sửa chữa lớn đạt 51,4% so với kế hoạch và tăng 59,3% so với cùng kỳ.

**Theo cấp quản lý:** Vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước thực hiện 22.987,0 tỷ đồng, tăng 56,2% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước thực hiện 280,9 tỷ đồng, tăng 74,5%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước thực hiện 6,4 tỷ đồng, tăng 112,7%.

#### Tình hình thực hiện Vốn ngân sách 10 tháng năm 2022

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	Chính thực 9 tháng năm 2022	Ước tính tháng 10 năm 2022	Ước tính 10 tháng năm 2022	10 tháng năm 2022 so kế hoạch (%)	10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng số</b>	<b>19.721,7</b>	<b>3.552,6</b>	<b>23.274,3</b>	<b>53,1</b>	<b>156,4</b>
<b>Theo khoản mục đầu tư</b>					
- Vốn XD CB	19.064,5	3.458,1	22.522,6	53,9	155,4
- Vốn sửa chữa	657,2	94,5	751,7	51,4	159,3
<b>Theo cấp quản lý</b>					
- Cấp thành phố	19.481,0	3.506,0	22.987,0	54,7	156,2
- Cấp huyện	235,7	45,2	280,9	-	174,5
- Cấp xã	5,0	1,4	6,4	-	212,7

##### 3.1.2. Khối lượng thực hiện vốn đầu tư tại một số đơn vị

**Ban Quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị:** Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được giao (bao gồm nguồn từ 2021) là 4.333,8 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng ước thực hiện đạt 47,6% so kế hoạch; dự kiến hoàn thành 18/35 dự án chuyên tiếp, trong đó 12 dự án có tổng mức đầu tư trên 70 tỷ đồng.



**Ban Quản lý Đường sắt đô thị:** Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được giao (bao gồm nguồn vốn chuyển tiếp) là 5.744,0 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng ước thực hiện đạt 2.960,4 tỷ đồng, đạt 51,5% so kế hoạch.

**Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp:** Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được giao (bao gồm nguồn vốn chuyển tiếp) là 6.634,0 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng ước thực hiện đạt 3.528,1 tỷ đồng, đạt 51,3% so kế hoạch.

**Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông:** Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được giao (bao gồm nguồn vốn chuyển tiếp) là 6.869,1 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng ước thực hiện đạt 3.775,3 tỷ đồng, đạt 56,9% so kế hoạch.

**Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng đô thị:** Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được giao (bao gồm nguồn vốn chuyển tiếp) là 4.333,8 tỷ đồng, lũy kế 10 tháng ước thực hiện đạt 1.032,5 tỷ đồng, đạt 23,8% so kế hoạch.

**Ban QLDA Quận 12:** Tổng nguồn vốn được giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách địa phương là 317,6 tỷ đồng, ước thực hiện hết tháng 10 đạt 178,9 tỷ đồng, đạt 56,3% kế hoạch được giao.

### **3.1.3. Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm**

**Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên:** Do các vấn đề liên quan đến việc huy động nguồn lực dẫn đến dự án chậm tiến độ so với kế hoạch, Thành phố kiến nghị điều chỉnh thời gian thực hiện, hoàn thành thi công tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành – Suối Tiên vào cuối quý IV năm 2023.

**Dự án tuyến đường sắt Metro số 2:** Đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; trong giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật, tuyển chọn Tư vấn CS2B, hoàn tất việc lập hồ sơ mời thầu các gói thầu chính để làm cơ sở lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu chính của Dự án.

**Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh:** UBND Thành phố phê duyệt hồ sơ cấm cọc (thiết kế ranh) giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1 (xây dựng đường Vành đai 3 đoạn qua Thành phố bao gồm cầu kênh Thầy Thuốc) gồm 1.905 cọc; trong đó thành phố Thủ Đức 609 cọc, huyện Củ Chi 193 cọc, huyện Hóc Môn 532 cọc và huyện Bình Chánh 571 cọc.

**Dự án Trung tâm văn hoá và phát triển năng lực số thanh niên:** Tổng mức đầu tư là 300 tỷ đồng. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn cho 6 gói thầu: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản

vẽ thi công và tổng dự toán; Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục phòng cháy chữa cháy; Tư vấn lựa chọn nhà thầu cho gói thầu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; Thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; Thẩm định giá thiết bị.

### **3.2. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư**

Tính đến cuối tháng 9, Thành phố đã cấp 24.363 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 với diện tích sàn 3.895.1 nghìn m<sup>2</sup>, tăng 40,2% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 31,6% về diện tích.

Trong đó, cấp cho xây dựng mới 22.879 giấy phép với diện tích 4.030 nghìn m<sup>2</sup>, tăng 31,7% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 27,4% về diện tích; cấp cho sửa chữa lớn nhà 1.484 giấy phép với diện tích 20,8 nghìn m<sup>2</sup>, tăng 52,5% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 21,2% về diện tích.

## **4. HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

### **4.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp**

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/10/2022, Thành phố đã cấp phép 37.042 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 404.887 tỷ đồng, tăng 52,6% về giấy phép và tăng 2,2% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 27.148 doanh nghiệp thành lập, tăng 49,5% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 306.246 tỷ đồng, tăng 13,4%.

**Phân theo loại hình doanh nghiệp:** Công ty TNHH có 32.485 đơn vị, tăng 55,5% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 222.465 tỷ đồng, tăng 0,3% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 4.214 đơn vị, tăng 32,4%; vốn đăng ký đạt 182.224 tỷ đồng, tăng 4,6%. Doanh nghiệp tư nhân có 339 đơn vị, tăng 77,5%; vốn đăng ký 186 tỷ đồng, giảm 6,9%.

#### **Phân theo loại hình kinh tế:**

**Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:** Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 145 đơn vị với vốn đăng ký đạt 2.401 tỷ đồng, tăng 35,5% về cấp phép và giảm 13,8% về vốn so với cùng kỳ.

**Khu vực công nghiệp, xây dựng:** Cấp phép 7.158 doanh nghiệp, tăng 58,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 85.450 tỷ đồng, giảm 23,2%. Trong đó, ngành xây dựng có 3.147 doanh nghiệp, tăng 55,4%; vốn đạt 35.325 tỷ đồng, tăng 2,8%; nhóm ngành công nghiệp có 4.011 đơn vị với số vốn đăng ký đạt 50.125 tỷ đồng, giảm 23,2% về vốn.

**Khu vực thương mại, dịch vụ:** Cấp phép 29.739 doanh nghiệp, tăng 51,3% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 317.036 tỷ đồng, tăng 12,4%. Trong đó, thương nghiệp 14.195 đơn vị với vốn đăng ký đạt 108.817 tỷ đồng, tăng 16,3% về vốn; tài chính ngân hàng và bảo hiểm có 565 đơn vị với vốn đăng ký đạt 25.367 tỷ đồng, tăng 62,1%; kinh doanh bất động sản có 2.255 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 112.113 tỷ đồng, tăng 26,3%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 3.632 doanh nghiệp với vốn đăng ký 19.964 tỷ đồng, giảm 46,1%.

#### **4.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/10/2022, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố là 3,42 tỷ USD, tăng 25,3% so với cùng kỳ, chia ra:

- **Cấp mới** có 693 dự án với vốn đăng ký đạt 443,9 triệu USD, tăng 6,7% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 264 dự án, vốn đăng ký là 144,0 triệu USD, chiếm 32,4% vốn đăng ký cấp mới; kể đến là hoạt động thông tin và truyền thông có 146 dự án, vốn đăng ký là 135,5 triệu USD, chiếm 30,5%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 180 dự án, vốn đăng ký 79,9 triệu USD, chiếm 18,0%.

*Nhà đầu tư nước ngoài phân theo quốc gia và vùng lãnh thổ:* Singapore dẫn đầu với 125 dự án, vốn đăng ký đạt 156,8 triệu USD, chiếm 35,3% vốn; kế đến là Nhật Bản với 74 dự án, vốn đăng ký 78,7 triệu USD, chiếm 17,7%, Hàn Quốc với 93 dự án, vốn đăng ký đạt 48,6 triệu USD, chiếm 13,4%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 135 lượt dự án với số vốn tăng 1.549,2 triệu USD, tăng 78,6% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 18 dự án, vốn đăng ký 915,0 triệu USD, chiếm 59,1%; hoạt động thông tin và truyền thông có 19 dự án, vốn đăng ký 278,0 triệu USD, chiếm 17,9%. Singapore là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất trong 10 tháng năm 2022 đạt 1.152,6 triệu USD, chiếm 74,4%.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 2.013 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 1.430,9 triệu USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với vốn góp là 588,8 triệu USD, chiếm 41,1% tổng vốn góp; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 276,2 triệu USD, chiếm 19,3%; hoạt động kinh doanh bất động sản 217,8 triệu USD, chiếm 15,2%. Singapore và Hàn Quốc là 02 quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao lần lượt chiếm 42,2% và 18,6%.

**Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố**  
(từ ngày 01/01/2022 đến 20/10/2022)

	Năm 2022		% so với cùng kỳ năm 2021	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
<b>Tổng vốn đầu tư</b>		<b>3.424,0</b>		<b>125,3</b>
- Dự án cấp mới giấy chứng nhận đầu tư	693	443,9	147,8	106,7
- Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	135	1.549,2	98,5	178,6
- Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	1.013	1.430,9	110,6	98,7

Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố đến ngày 20/10/2022 là 11.115 dự án với vốn đăng ký là 55,70 tỷ USD (*Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với tỉnh, thành trong cả nước*).

## 5. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

### 5.1. Nông Nghiệp

*Thành phố tiếp tục định hướng phát triển nền nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững gắn với phát triển du lịch mang nét đặc trưng riêng của Thành phố. Trong 10 tháng năm 2022, giá xăng, dầu có nhiều đợt điều chỉnh giảm cùng giá các mặt hàng thức ăn chăn nuôi, phân bón, giá lợn giống dần ổn định làm cho ngành chăn nuôi bắt đầu có xu hướng khởi sắc trở lại.*

#### 5.1.1. Trồng trọt

##### ***Tình hình sản xuất vụ Hè Thu 2022:***

Ước tính diện tích gieo trồng vụ Hè thu đạt 11.956,6 ha; giảm 0,9% so với cùng kỳ. Trong đó:

Diện tích gieo trồng lúa đạt 5.907,8 ha, tăng 0,1% so với cùng kỳ, tổng sản lượng thu hoạch đạt 30.005,9 tấn, tăng 1,3% và năng suất ước đạt 50,8 tạ/ha.

##### *Diện tích các loại cây hàng năm khác:*

Diện tích trồng ngô là 27,1 ha, tăng 110,0% so với cùng kỳ và sản lượng sơ bộ đạt 105,7 tấn, tăng 113,1%.

Diện tích trồng đậu phộng là 22,9 ha, giảm 20,7% so với cùng kỳ; sản lượng đạt 64,3 tấn, giảm 17,2%.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 2.208,4 ha, giảm 3,1% so với cùng kỳ và sản lượng ước đạt 78.506,6 tấn, giảm 0,1%.

### ***Tình hình sản xuất vụ Mùa 2022:***

Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa 2022 đạt 11.927,8 ha, giảm 2% so với cùng kỳ, trong đó:

Diện tích gieo cấy lúa vụ Mùa năm 2022 ước đạt 5.889,9 ha, giảm 2,3%.

Diện tích gieo trồng bắp ước đạt 19,1 ha, tăng 16,0%; sản lượng ước tăng 21,6%.

Diện tích khoai mì ước đạt 88,1 ha, giảm 6,3%; sản lượng ước đạt 841,4 tấn, giảm 3,5%.

Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 2.146,4 ha, giảm 3,8%; sản lượng ước đạt 73.216,2 tấn, tăng 1,2%.

***Tình hình sinh vật gây hại:*** Diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 606,7 ha, giảm 8,4% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2022, diện tích nhiễm sinh vật hại là 5.065 ha, giảm 8,3% so với cùng kỳ. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ, chủ yếu là bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao, ốc bươu vàng và chuột.

#### **5.1.2. Chăn nuôi**

Tình hình chăn nuôi tháng 10 năm 2022 trên địa bàn Thành phố tiếp tục duy trì ổn định so với cùng kỳ do Thành phố đã kiểm soát tốt tình hình bệnh. Kết quả tình hình chăn nuôi trong tháng như sau:

- Đàn lợn hiện có 168.655 con lợn thịt, tăng 1,3% so với cùng kỳ.

- Đàn trâu ước tính có 2.998 con, giảm 25,1% so với cùng kỳ.

- Đàn bò ước tính có 95.659 con, giảm 7,0% so với cùng kỳ, trong đó đàn bò sữa có 67.686 con, chiếm 70,1% tổng đàn bò. Đàn bò sữa tiếp tục duy trì ổn định cho năng suất sữa đạt chất lượng cao.

- Đàn gia cầm ước tính có 363 nghìn con, tăng 2,3%; trong đó đàn gà có 328,5 nghìn con, chiếm 90,5% tổng đàn gia cầm.

#### **5.2. Lâm nghiệp**

Tổng diện tích đất rừng hiện có là 36.822 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,6% tương đương cùng kỳ.

Tính từ đầu năm phát hiện 03 vụ phá rừng với tổng thiệt hại là 238 m<sup>2</sup>.

#### **5.3. Thủy sản**

Lũy kế 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản ước thực hiện 42.111,4 tấn, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 13.317,1 tấn, giảm 1,7%; sản lượng tôm ước đạt 9.421,4 tấn, tăng 14,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 19.372,9 tấn, tăng 5,8%.

*Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:*

- Sản lượng thủy sản khai thác 10 tháng ước thực hiện 11.489,5 tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng khai thác thủy sản biển ước đạt 9.249,8 tấn, giảm 1,5%; sản lượng khai thác thủy sản nội địa ước đạt 2.239,7 tấn, giảm 4,6%.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng 10 tháng ước đạt 30.621,9 tấn, tăng 8,3% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 6.715,9 tấn, giảm 2,0%; sản lượng tôm ước đạt 7.629,0 tấn, tăng 19,1%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 16.277,0 tấn, tăng 7,5%.

#### **Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 15/10/2022)**

**Tôm sú:** Có 241 lượt hộ thả nuôi với 110,8 triệu con giống trên diện tích 3.247,1 ha, số lượt hộ thả nuôi đạt 78,8% so với cùng kỳ, con giống giảm 18,8%, diện tích thả nuôi giảm 2,2%.

**Tôm thẻ chân trắng:** Có 1.618 lượt hộ thả nuôi với 650,9 triệu con giống trên diện tích 1.403,0 ha, số lượt hộ thả nuôi tăng 40,1% so với cùng kỳ, con giống tăng 52,8% và diện tích thả nuôi tăng 48,2%.

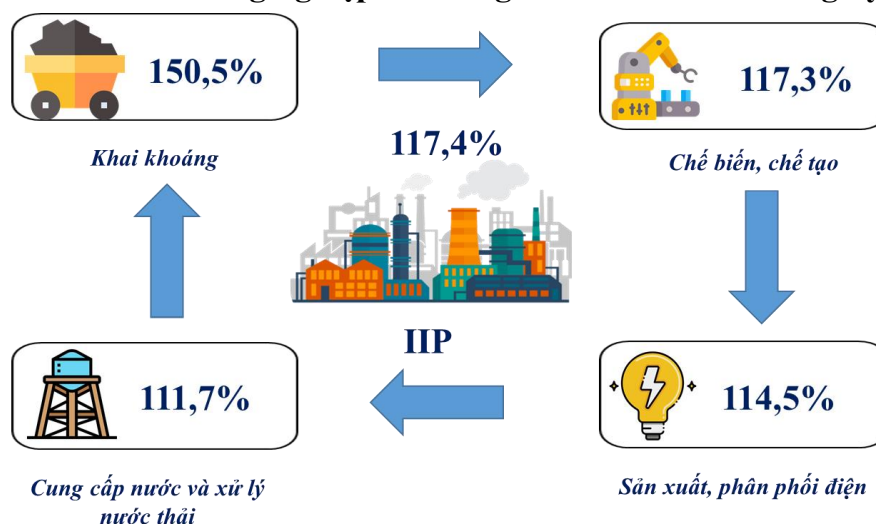
**Tình hình dịch bệnh trên tôm:** Lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,7 ha, số lượng con giống thiệt hại là 4,0 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh với 2.886 kg thuốc TTCA.

### **6. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10 năm 2022** ước tính giảm 3,1% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 18,4% so với tháng trước và giảm 39,6% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,3% so với tháng trước và tăng 3,9% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 4,8% so với tháng trước và tăng 26,2% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 23,9% so với cùng kỳ.

**Lũy kế 10 tháng năm 2022**, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố tăng 17,4% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 50,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 14,5%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 11,7%.

### Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ (%)



**Đối với ngành công nghiệp cấp II**, có 25/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 69,3%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 63,9%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 58,2%; sản xuất đồ uống tăng 58,1%; dệt tăng 42,2%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 39,4%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 29,8%; sản xuất kim loại giảm 27,8%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 3,2%.

### Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
<b>Tổng số</b>	<b>107,3</b>	<b>95,3</b>	<b>84,0</b>	<b>117,4</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>				
1. Công nghiệp khai khoáng	81,5	287,0	67,0	150,5
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	107,5	94,5	83,7	117,3
3. SX và phân phối điện	108,2	99,6	93,7	114,5
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,2	101,1	95,8	111,7
<b>Một số ngành chủ yếu</b>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	97,1	102,2	91,7	114,4
2. Sản xuất đồ uống	107,4	90,6	69,9	158,1
3. Sản xuất trang phục	104,0	78,3	70,6	128,9
4. Sản xuất da và SP liên quan	98,7	80,4	79,8	115,0
5. SX hóa chất và SP hóa chất	98,8	120,3	92,6	107,9
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	98,6	92,1	91,4	163,9
7. SP từ khoáng kim loại	96,2	96,6	84,9	111,0
8. Sản xuất SP điện tử	121,6	120,6	80,7	104,5
9. Sản xuất thiết bị điện	115,3	98,7	95,9	105,7
10. Sản xuất xe có động cơ	95,3	83,4	93,4	132,9

**Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm:** Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 tăng 23,0% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành hóa dược tăng 34,4%; ngành lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 30,3%; ngành cơ khí tăng 12,7%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 4,5%.

**Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống:** Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 tăng 25,6% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành dệt tăng 42,2%; ngành sản xuất trang phục tăng 28,9%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 15,0%.

**Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10 tháng năm 2022** tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 86,7%; bia chai, lon tăng 73,0%; vải tăng 55,0%; sắt thép các loại tăng 42,6%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Tivi giảm 15,5%; phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 15,4%.

**Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10 năm 2022** ước tính giảm 7,5% so với tháng trước và tăng 25,5% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 20,0% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất đồ uống tăng 72,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 68,1%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 59,0%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 51,0%; sản xuất xe có động cơ tăng 48,8%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 40,6%; sản xuất thiết bị điện giảm 15,0%; sản xuất kim loại giảm 7,6%.

**Chỉ số tiêu thụ, tồn kho và lao động tháng 10 năm 2022 so với cùng kỳ (%)**





**Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 10 năm 2022** ước tính tăng 21,1% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 85,4%; sản xuất trang phục tăng 70,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 57,8%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 56,6%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 42,8%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 75,6%; dệt giảm 67,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 53,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 27,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 21,3%.

**Chỉ số lao động làm việc** tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 10 năm 2022 giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 14,3% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2022, chỉ số lao động tăng 12,2% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 28,0%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu tăng 22,0%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 18,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 15,9%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 23,9%; sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 7,2%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 4,6%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 3,6%.

## **7. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI**

### **7.1. Thương mại, dịch vụ**

*Tháng 10/2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì mức tăng nhẹ (+1,4%) thể hiện nhu cầu hàng hóa và giá cả không có nhiều biến động, trong khi doanh thu các dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch lữ hành tiếp tục xu hướng giảm từ tháng 9 do kỳ nghỉ hè đã hết và thời tiết đã chuyển sang mùa mưa bão.*

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 năm 2022** ước đạt 94.933 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước (doanh thu thương mại tăng 1,6%; dịch vụ lưu trú ăn uống giảm 7,1%; dịch vụ du lịch lữ hành giảm 15,4%; dịch vụ khác tăng 3,5%) và tăng 78,7% so với cùng kỳ.

**Ước tính 10 tháng năm 2022**, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 899.384 tỷ đồng, tăng 29,9% so với cùng kỳ, tăng cao ở tất cả các ngành.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***Đơn vị tính: Tỷ đồng*

	Ước tính tháng 10 năm 2022	10 tháng năm 2022	Tháng 10 năm 2022 so với tháng trước (%)	Tháng 10 năm 2022 so với cùng kỳ (%)	10 tháng 2022 so với cùng kỳ (%)
<b>Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	<b>94.933</b>	<b>899.384</b>	<b>101,4</b>	<b>178,7</b>	<b>129,9</b>
Doanh thu bán lẻ	53.403	519.175	101,6	134,5	122,3
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	7.595	68.463	92,9	1004,4	210,8
Dịch vụ lữ hành	571	5.268	84,6	2961,9	273,6
Dịch vụ khác	33.365	306.478	103,5	264,4	131,4

**Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10** ước đạt 53.403 tỷ đồng, chiếm 56,3% trong tổng mức, tăng 1,6% so với tháng 9, diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

Nhóm lương thực thực phẩm chiếm tỷ trọng 18,7%, tăng 1,4%; nhóm hàng đồ dùng thiết bị gia đình chiếm tỷ trọng 12,3%, tăng 4,5%; ô tô và phương tiện đi lại (gồm cả sửa chữa) chiếm tỷ trọng 16,7%, tăng 0,4%; xăng dầu và nhiên liệu khác chiếm tỷ trọng 9,4%, tăng 1,7%; hàng may mặc chiếm 7,5%, tăng 1,5%; hàng hóa khác còn lại tăng 1,0%.

**Ước tính 10 tháng năm 2022**, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 519.175 tỷ đồng, tăng 22,3% so với cùng kỳ, với nhiều nhóm hàng tăng cao như nhóm hàng vật phẩm văn hóa giáo dục (+55,7%); nhóm hàng xăng dầu (+36,4%); nhóm hàng may mặc (+41,5%); nhóm hàng ô tô (+24,9%); nhóm hàng lương thực thực phẩm (+12,7%).

**Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 10** ước đạt 7.595 tỷ đồng, chiếm 8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, giảm 7,1% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống giảm 6,5%, doanh thu lưu trú giảm 14,3% so với tháng trước; so với tháng 10/2021 tăng 10 lần. **Ước tính 10 tháng năm 2022**, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 68.463 tỷ đồng, tăng 110,8% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 130,8%; dịch vụ ăn uống tăng 108,9%.

**Doanh thu dịch vụ lãi hành tháng 10** ước đạt 571 tỷ đồng, giảm 15,4% so với tháng trước, tăng 29,6 lần so với cùng kỳ. **Ước tính 10 tháng năm 2022**, doanh thu dịch vụ lãi hành đạt 5.268 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 173,6% so với cùng kỳ.

**Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 10** ước đạt 33.365 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 164,4% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng 62,9%, tăng 2,8% so với tháng trước và tăng 150,1% so với cùng kỳ; **Ước tính 10 tháng năm 2022**, doanh thu đạt 306.478 tỷ đồng, tăng 31,4% so với cùng kỳ; trong đó ngành kinh doanh bất động sản tăng 27,6%.

## **7.2. Xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa**

*Trong 10 tháng năm 2022, kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn, cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine kéo dài và lạm phát tăng cao ở hầu hết các quốc gia. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng xuất khẩu Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đạt được những bước tăng trưởng ấn tượng.*

**Ước tính tháng 10 năm 2022**, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 4.137,5 triệu USD, tăng 6,2% so với tháng trước; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 3.982,0 triệu USD, tăng 5,9%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 10 năm 2022 đạt 3.543,2 triệu USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 216,1 triệu USD, tăng 17,8%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.033,6 triệu USD, tăng 7,2%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 2.293,5 triệu USD, giảm 2,2%.

**Tính chung 10 tháng năm 2022**, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 40.836,9 triệu USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 38.987,5 triệu USD, tăng 12,7%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong 10 tháng năm 2022 đạt 35.984,3 triệu USD, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 2.384,2 triệu USD, tăng 25,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 11.070,8

triệu USD, tăng 18,0%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 22.529,4 triệu USD, tăng 5,3%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 10 tháng năm 2022 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

– *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 3.568,7 triệu USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ và chiếm 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 1.023,0 nghìn tấn với giá trị đạt 972,2 triệu USD, tăng 2,9%.

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 251,1 nghìn tấn với giá trị đạt 530,6 triệu USD, tăng 18,3%.

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 192,9 nghìn tấn với giá trị đạt 478,6 triệu USD, giảm 13,7%.

– *Nhóm hàng lâm sản* có giá trị xuất khẩu đạt 559,0 triệu USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 1,6%.

– *Nhóm hàng thủy hải sản* có giá trị xuất khẩu đạt 1.111,3 triệu USD, tăng 69,7% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 3,3%.

– *Nhóm hàng công nghiệp* có giá trị xuất khẩu đạt 25.456,6 triệu USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 74,6%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 13.877,6 triệu USD, tăng 1,9%.

+ Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 3.765,6 triệu USD, tăng 42,7%.

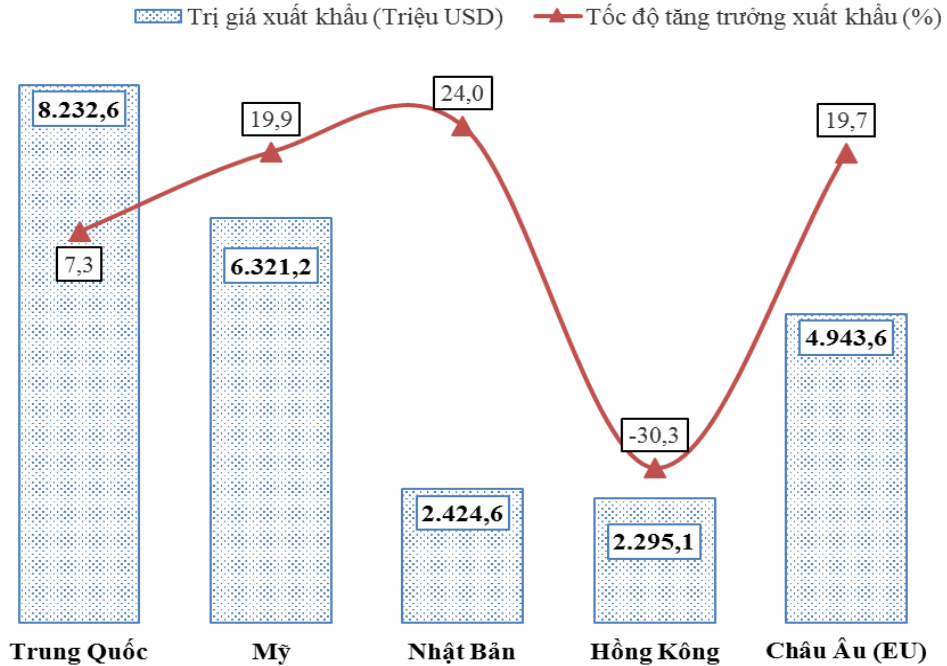
+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 2.268,7 triệu USD, tăng 33,5%.

+ Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 2.087,3 triệu USD, tăng 56,3%.

– *Nhóm hàng hóa khác* có giá trị xuất khẩu đạt 3.243,4 triệu USD, giảm 24,1% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 10,0%.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong 10 tháng năm 2022 đạt 2.244,3 nghìn tấn (giảm 15,7% so với cùng kỳ); giá trị đạt 1.849,4 triệu USD (tăng 32,5%).

## Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường chủ lực 10 tháng năm 2022



Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các doanh nghiệp Thành phố với kim ngạch xuất khẩu trong 10 tháng năm 2022 đạt 8.232,6 triệu USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ, chiếm 22,9% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ hai, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 6.321,2 triệu USD, tăng 19,9%, chiếm 17,6%.

Thứ ba, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 2.424,6 triệu USD, tăng 24,0%, chiếm 6,7%.

Thứ tư, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông đạt 2.295,1 triệu USD, giảm 30,3%, chiếm 6,4%.

Giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp Thành phố sang thị trường Châu Âu đạt 4.943,6 triệu USD, tăng 19,7%, chiếm 13,7%.

### 7.3. Vận tải hàng hóa và hành khách

#### 7.3.1. Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 10 ước đạt 25.638 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 25,2% so với cùng kỳ.

Lũy kế 10 tháng năm 2022 ước đạt 259.076 tỷ đồng, tăng 21,5% so với cùng kỳ, chia ra:

**Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 10 tháng năm 2022 ước đạt 83.335 tỷ đồng, tăng 42,4% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17,5%,

tăng 42,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 80,8%, tăng 43,8%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,6%, giảm 4,6%.

*Phân theo ngành vận tải*, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,9%, tăng 38,9% so với cùng kỳ; vận tải đường sắt chiếm 0,4%, giảm 44,1%.

### **Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách 10 tháng năm 2022**

	Doanh thu 10 tháng		So với cùng kỳ	
	(tỷ đồng)		(%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>83.335</b>	<b>17.112</b>	<b>142,4</b>	<b>258,1</b>
<b><i>Phân theo khu vực kinh tế</i></b>				
<i>Chia ra:</i>				
Kinh tế nhà nước	14.613	805	142,6	162,5
Kinh tế ngoài nhà nước	67.357	13.645	143,8	264,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.365	2.662	95,4	272,1
<b><i>Phân theo ngành vận tải</i></b>				
<i>Trong đó:</i>				
Đường bộ	55.719	12.494	138,9	254,0
Đường sắt	330	749	55,9	159,6
Đường hàng không	27	2.256	126,6	253,3

***Vận tải hành khách:*** Doanh thu 10 tháng năm 2022 ước đạt 17.112 tỷ đồng, tăng 158,1% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 4,7%, tăng 62,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 79,7%, tăng 164,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 15,6%, tăng 172,1%.

*Phân theo ngành vận tải*, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 73,0%, tăng 154,0% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,4%, tăng 59,6%; đường hàng không chiếm 13,2%, tăng 153,3%.

***Hoạt động hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát:*** Doanh thu 10 tháng năm 2022 đạt 158.629 tỷ đồng, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 144.651 tỷ đồng, tăng 4,2%; Bưu chính và chuyển phát đạt 13.978 tỷ đồng, tăng 52,4%.

### **7.3.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách**

***Sản lượng vận tải hàng hóa:*** Tháng 10 ước đạt 43.029 nghìn tấn, tăng 42,4% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2022 ước đạt 365.732 nghìn tấn, tăng 39,4% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 17,5%, tăng

51,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 77,6%, tăng 41,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 4,9%, giảm 9,3%.

*Phân theo ngành vận tải*, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,2%, tăng 32,2% so với cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 15,2%, tăng 33,0%.

**Sản lượng vận tải hành khách:** Tháng 10 ước đạt 77.111 nghìn hành khách. Lũy kế 10 tháng năm 2022 ước đạt 694.512 nghìn hành khách, tăng 151,4% so với cùng kỳ. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 1,1%, tăng 97,8%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 96,7%, tăng 150,3% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 2,2%, tăng 274,1%.

*Phân theo ngành vận tải*, trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 81,6%, tăng 134,3%; vận tải đường sắt chiếm 0,2%, tăng 85,5% và vận tải hàng không chiếm 0,3%, tăng 73,7%.

## 8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

### 8.1. Y tế

**Tình hình bệnh Sốt xuất huyết:** Tính từ 16/9/2022 đến 15/10/2022 số ca nhiễm là 10.417, giảm 15,3% (-1.888 ca) so với tháng trước; lũy kế đầu năm có 66.517 ca; số ca tử vong là 28 ca.

**Tình hình bệnh Tay chân miệng:** Trong tháng số ca mắc mới là 2.085 ca, tăng 13,6% so với tháng trước (+250 ca); số lũy kế đến 15/10/2022 là 16.143 ca, tăng 2.073 ca so với cùng kỳ; không có trường hợp tử vong.

**Tình hình bệnh Covid-19:** Tính đến ngày 17/10/2022, tổng số liều vắc xin đã tiêm là 23.421.221 liều, bao gồm 8.614.823 liều 1; 7.732.262 liều 2; 689.524 liều bổ sung; 4.795.194 liều nhắc lại lần 1; 1.518.790 liều nhắc lại lần 2. Trong đó, 20.854.047 liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên; 1.752.350 liều cho trẻ từ 12-17 tuổi và 814.824 liều cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi.

**Vệ sinh an toàn thực phẩm:** Trong tháng 10 năm 2022, Thành phố đã kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm phục vụ sự kiện “Trại hè Việt Nam năm 2022”, công tác tổ chức “Hội chợ du lịch quốc tế TP. HCM”; kế hoạch kiểm tra an toàn thực phẩm “Việt Nam – Châu Âu: Kết nối hiện tại, vun đắp tương lai Năm 2022”; kế hoạch tổ chức “Hội chợ Du lịch Quốc tế thành phố Hồ Chí Minh - ITE HCMC 2022”. Triển khai kế hoạch giám sát an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm đối với bếp ăn tập thể trong khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Trong tháng đã xảy ra 01 vụ ngộ độc rượu trên địa bàn thành phố Thủ Đức làm 02 người tử vong.

**Công tác khám chữa bệnh và điều trị:** Tình hình khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú đang tăng trở lại. Thành phố đã xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động y tế chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người dân Thành phố sau đại dịch Covid-19 thông qua Tổng đài tư vấn (số 19001267 và 115) về tâm lý và tâm thần, mạng lưới chăm sóc, quản lý từ bệnh viện chuyên khoa đầu ngành đến trạm y tế phường, xã.

### **8.2. Hoạt động giáo dục**

Ngày 11/10, Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X nhiệm kỳ 2021-2026 đã thông qua Nghị quyết quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 và các năm học tiếp theo trên địa bàn thành phố theo Nghị định 81/2021/CP của Chính phủ.

Ngành giáo dục tiếp tục triển khai các Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"; Đề án Giáo dục thông minh và Học tập suốt đời giai đoạn 2021 - 2030; Đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế 8 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông, cơ khí - tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, quản trị doanh nghiệp, tài chính – ngân hàng, y tế, du lịch, quản lý đô thị), đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, công tác cải cách hành chính.

### **8.3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao**

Sở Văn hóa đã phối hợp với Cục Nghệ thuật biểu diễn tổ chức và tham gia “Liên hoan Kịch nói toàn quốc năm 2021” đợt 2 tại Thành phố Hồ Chí Minh; 03 tác phẩm do các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở tham gia gồm: “Thành phố tình yêu”, “Cuộc hành trình tìm bức chân dung” và “Bến nước mười ba” được 01 Huy chương vàng và 01 Huy chương đồng cho hạng mục tác phẩm; 05 Huy chương vàng, 06 Huy chương bạc và 01 Huy chương đồng cho hạng mục cá nhân; Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong “Liên hoan Tuồng và Dân ca kịch toàn quốc năm 2022” tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với vở diễn huyền sử “Chiếc áo Thiên Nga” của tác giả Lê Duy Hạnh đã đạt được 01 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng cá nhân và 01 giải cá nhân Họa sĩ xuất sắc.

Nhân kỷ niệm lần thứ 31 ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10/1991 - 01/10/2022), đồng thời hưởng ứng Quyết định 544/QĐ-TTg ngày 25/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc lấy tháng 10 hàng năm là “Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”. Ngày 02/10/2022, Thành phố tổ chức Hội thao Đồng diễn Thể dục dưỡng sinh, Yoga tại cung đường Lê Lợi, Quận 1 với 3.333 người



tham gia đồng diễn 05 bài Thể dục dưỡng sinh và Yoga. Số lượng người cao tuổi tham gia đông nhất Việt Nam và được Tổ chức kỷ lục Việt Nam công nhận.

#### **8.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội**

**Tình hình trật tự an toàn giao thông:** Xảy ra 150 vụ tai nạn giao thông đường bộ, tăng 59,5% (+56 vụ) so với cùng kỳ; làm chết 42 người, tăng 50% (+14 người); bị thương 94 người, tăng 54,0% (+57 người); Không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt và tai nạn giao thông đường thủy nội địa.

**Về tình hình cháy nổ:** Xảy ra 11 vụ cháy (trong đó: 05 vụ cháy trung bình, 06 vụ cháy nhỏ), về tài sản ước tính thiệt hại khoảng 3,7 triệu đồng (còn 08 vụ chưa ước tính thành tiền). Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống thiết bị điện.

**Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện mới 110 vụ, 110 đối tượng vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu với giá trị hàng hóa tạm giữ ước tính 38 tỷ đồng; khởi tố 67 vụ; ban hành 35 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt 1.170 triệu đồng.

**Hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:** Đã triệt phá 137 vụ, 465 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Khởi tố 125 vụ, 161 bị can, xử lý hành chính 12 vụ, 304 đối tượng; thu giữ 7,73 kg Heroin; 26,43 gram cần sa; 18,74kg ma túy tổng hợp; 75 xe máy; 124 điện thoại di động; 07 cân tiểu ly; 9,3 triệu đồng cùng một số công cụ phương tiện khác có liên quan.

**Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội:** Ghi nhận xảy ra 401 vụ phạm tội về trật tự xã hội, tăng 8,3% (+31 vụ) so với tháng trước, tăng 125,3% (+223 vụ) so với cùng kỳ; làm chết 04 người, bị thương 40 người, tài sản thiệt hại khoảng 4,9 tỷ đồng. Gồm các vụ: 03 vụ giết người, 12 vụ cướp tài sản, 65 vụ cướp giật tài sản, 205 vụ trộm cắp tài sản, 03 vụ hiếp dâm dưới 16 tuổi, 05 vụ giao cấu với người dưới 16 tuổi, 03 vụ dâm ô, 35 vụ cố ý gây thương tích, 02 vụ bắt giữ người trái pháp luật, 03 vụ cưỡng đoạt tài sản, 14 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 07 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 11 vụ hủy hoại tài sản, 08 vụ gây rối trật tự công cộng, 13 vụ đánh bạc, tổ chức đánh bạc, 01 vụ tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, 01 vụ môi giới mại dâm, 03 vụ chống người thi hành công vụ, 06 vụ làm giả con dấu tài liệu, 01 vụ vi phạm quy định về an toàn lao động. Đã khám phá nhanh 273/401 vụ (đạt 68,1%) và bắt 393 đối tượng.

### **8.5. Tình hình giải quyết việc làm**

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 25.745 lượt lao động, nâng tổng số giải quyết việc làm đến nay 267.384 lượt lao động đạt 89,1% so với kế hoạch. Số việc làm mới trong tháng là 11.982 chỗ (tập trung các ngành bán buôn, bán lẻ, thực phẩm, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, hoạt động tư vấn quản lý, ăn uống, nhà hàng và các hoạt động kinh doanh khác), nâng tổng số tạo việc làm mới lũy kế từ đầu năm đến nay là 119.027 lượt lao động, tăng 24,4% so với cùng kỳ.

*Về hoạt động liên quan đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài:* Từ đầu năm đến nay, số lao động do các đơn vị đưa đi làm việc ở nước ngoài là 7.710 người, tập trung ở thị trường Nhật Bản, chủ yếu ở một số ngành chính như chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

### **8.6. Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp**

Trong tháng, đã tiếp nhận 11.598 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành 10.899 quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động đủ điều kiện. Nâng tổng số đã tiếp nhận từ đầu năm đến nay là 117.532 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và đã ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 112.378 người lao động đủ điều kiện, tiếp nhận 412.884 lượt trường hợp lao động tìm kiếm việc làm.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2022.

#### ***Nơi nhận:***

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

#### **CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Khắc Hoàng**